

Bản án số: 307/2017/HC-PT
Ngày 19 tháng 10 năm 2017
V/v “Khiếu kiện QĐHC về
QLNN trong lĩnh vực đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Khởi

- Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng An Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền, là Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 60/2017/TLPT-HC ngày 16 tháng 4 năm 2017 về việc: “*khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại đối với quyết định giải quyết tranh chấp đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1177/2016/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 124/2017/QĐPT - HC ngày 06 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông Bùi Thành L, sinh năm 1963 (có mặt).

- Bà Bùi Thị Bích T, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 20 đường số 8, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Bích T: Ông Bùi Thành L (có mặt).

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông Bùi Thành L:*

+ Ông Nguyễn Thanh L1 là Luật sư - Văn phòng Luật sư Bùi Thành L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

+ Bà Nguyễn Thị Minh P là Luật sư - Văn phòng Luật sư Nguyễn Minh Tâm, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố HCM

Địa chỉ: Số 86 LTT, phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố HCM: Ông Bùi Ngươn T1 Sinh năm 1978.

Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận TĐ (có mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ NLQ1, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 43 NVB, phường BT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.2/NLQ2, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: 43 Nguyễn Văn Bá, phường BT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của NLQ2: ông Trần Văn D* (vắng mặt).

Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố HCM: Ông Bùi Ngươn T1* (có mặt).

Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận TĐ (có mặt);

3.3/- Ông NLQ3, sinh năm 1960 (có mặt).

- Địa chỉ: Số 20 đường số 8, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4/ - Ông NLQ4, sinh năm 1951(vắng mặt).

3.5/ Bà NLQ5, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 19 đường số 6, Phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông NLQ4: Ông Nguyễn T2 - Sn 1963 (theo văn bản ủy quyền đề ngày 15/6/2017).*

Địa chỉ số 170D NTL, phường 12, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

3.6/- Ông NLQ6, sinh năm 1960 (có mặt).

3.7/ Bà NLQ7, sinh năm 1959 (có mặt).

Cùng Địa chỉ: Số 171/3C, Trần Kế Xương, Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8/ Ông NLQ8 (vắng mặt) ;

3.9/ Bà NLQ9, sinh năm 1972 (vắng mặt) ;

Cùng địa chỉ: Số 21C đường số 6, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ5, ông NLQ6, bà NLQ7, ông NLQ8 : ông Ngô Hoàng C - Sn 1970 (theo văn bản ủy quyền đề ngày 13/9/2017);*

Trú tại: số 58A Đường số 6, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

3.10/- Ông NLQ10

Địa chỉ: Số 77/15A xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.11/- Bà NLQ11

Địa chỉ: Số 448/23 Trường Trinh, phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.12/- Ông NLQ12, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Số 95 Bình Lợi, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.13/ Bà NLQ13, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

+*Người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ13: Ông Bùi Văn G* Sn 1966 (theo ủy quyền ngày 18/10/2017)

Địa chỉ: số 11/47 đường NVM, phường 4, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3.14/- Ông NLQ14, sinh năm 1974 (vắng mặt).

3.15/- Bà NLQ15, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 7/14 đường số 10, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của phía người khởi kiện ông Bùi Thành L và bà Bùi Thị Bích T do ông L đại diện trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất của ông L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết là GCNQSDĐ) số 1018/QSDĐ ngày 10/11/2003 và bà T theo GCNQSDĐ số 1017/QSDĐ ngày 10/11/2003 được Ủy ban nhân dân (Sau đây viết là UBND) quận TĐ cấp hợp pháp từ Quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai số 3971/QĐ-UB-TD ngày 07/9/1999 của Chủ tịch UBND Thành phố HCM.

Sau đó, Chủ tịch UBND Thành phố HCM lại ban hành Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 và Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai số 3971/QĐ-UB-TD ngày 07/9/1999 về sửa đổi Quyết định số 5848/QĐ-UB-NC ngày 17/02/1996 của Chủ tịch UBND Thành phố HCM. Việc Chủ tịch UBND Thành phố HCM ban hành Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 và Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 là đã làm thiệt hại quyền lợi của chị em ông L, bà T nên phía ông L, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hành Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 và Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch UBND Thành phố HCM.

Quyết định số 3971/QĐ-UB-TD đã có hiệu lực và đã thi hành xong hơn 10 năm, ông NLQ3 được cấp GCNQSDĐ theo Quyết định số 3971/QĐ-UB-TD. Sau đó, ông NLQ3 chuyển nhượng cho ông L, bà T mỗi người một phần diện tích đất và được cấp GCNQSDĐ. Ông L, bà T được cấp quyền sử dụng theo đúng trình tự, thủ tục, đúng nội dung chuyển nhượng và sử dụng ổn định. Theo quy định của Luật đất đai thì đất có GCNQSDĐ đã chuyển nhượng cho người khác thì UBND không có quyền thu hồi GCNQSDĐ đã cấp.

Theo các văn bản của phía người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố HCM trình bày:

Phần đất tranh chấp có diện tích 5.613m^2 thuộc bất động sản tại thửa số 159, 160 tờ số 04 xã HB nay là phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của ông Đoàn Hữu T3 và bà Đoàn Thị M đứng bộ trước ngày 30/4/1975.

Ngày 10/01/1976, ông T3, bà M lập biên nhận nhường quyền khai thác vĩnh viễn bất động sản trên cho ông Bùi Văn S với giá là 7.357 đồng.

Ngày 12/01/1976 ông S làm đơn xin thành lập Tổ hợp trồng tía, chăn nuôi có 8 thành viên trong đó có ông Bùi Công H (cha ông S), có xác nhận của ấp BT, xã HB.

Ngày 12/12/1978, ông S chuyển nhượng toàn bộ đất trên cho ông NLQ4 thông qua giấy chuyển nhượng có người làm chứng là ông Đỗ Văn S1, cùng ngày ông H (cha ông S và là bác ruột ông NLQ4) viết giấy ủy quyền khai thác sử dụng vĩnh viễn đất trên cho ông NLQ4 và ông Bùi K (cha ông NLQ4).

Ngày 17/12/1979, vợ chồng bà Trần Thị T4, ông Bùi Thành Q được ông NLQ4 cho ở nhờ diện tích 15m^2 trong tổng số đất 5.613m^2 , bà T4 có làm đơn xin chính quyền tỉnh Đồng Tháp được phép đi lại từ Đồng Tháp đến Thành phố Hồ Chí Minh thời hạn 01 tháng để giúp việc gia đình bà con (từ ngày 20/12/1979 đến 20/01/1980).

Năm 1983, thực hiện kê khai đất đai theo chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ, đất trên không ai kê khai nên UBND xã HB kê khai thửa 190, 195, 196 diện tích là 4.517m^2 khi chính quyền triển khai đăng ký quyền sử dụng đất thì ông NLQ4 và ông Q phát sinh tranh chấp.

Phía ông NLQ4 cho rằng ông đã sang nhượng lại từ ông S 5.613m^2 với giá 2.000 đồng, vợ chồng ông Q, bà T4 là người cùng họ quen biết nên cha ông cho vô ở tạm gian nhà nhỏ 15m^2 rồi lần dần. Phía ông NLQ3 (con ông Q) thì cho rằng năm 1979 ông H và ông S đề nghị cha ông về ở chung để canh tác hơn 5.000m^2 đất, năm 1982 ông H viết giấy ủy quyền cho ông Q (cha ông NLQ3) sử dụng 3.000m^2 , gia đình ông đã được nhập hộ khẩu về đây từ năm 1994.

Ngày 20/9/1994, NLQ1 ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 132/QĐ-UB-NNN, nội dung:

Bác đơn khiếu nại của ông Q vì ông không trình được tài liệu liên quan phần đất này, xét nhu cầu nhà ở nên chấp thuận cho ông Q sử dụng 200m^2 , ông phải lập thủ tục giao đất theo quy định.

Thu hồi diện tích 1.472m^2 giao ông NLQ4, ông được quản lý sử dụng theo quy hoạch và làm nghĩa vụ thuế cho Nhà nước, đồng thời đền bù giá trị cây trồng cho ông Q.

Thu hồi diện tích 1.505m² giao cho UBND xã HBC quản lý, nếu ông Q có yêu cầu phải lập thủ tục thuê đất công theo quy định, nếu giao người khác thì phải bồi thường giá trị cây trồng cho ông Q.

Riêng phần đất đang bị các hộ kinh tế mới đang chiếm dụng, yêu cầu UBND xã HBC điều tra, xác minh để có hướng đề xuất chuyển đi vùng kinh tế mới, thu hồi phần đất bị chiếm giao cho UBND xã HBC quản lý.

Sau đó, ông NLQ4 làm đơn khiếu nại.

Ngày 12/6/1996, Sở Địa chính Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai số 379/QĐ-ĐC-TTr, nội dung: Giao ông Q sử dụng 400m² đất, phần còn lại giao cho ông NLQ4 quản lý sử dụng.

Ngày 17/12/1996 Ủy ban nhân dân Thành phố HCM ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai số 5848/QĐ-UB-NC, nội dung: Công nhận Quyết định số 379/QĐ-ĐC-TTr ngày 12/6/1996 của Sở Địa chính Thành phố HCM là đúng pháp luật.

Phía ông Q tiếp tục khiếu nại, lúc này ông NLQ3 đứng đơn khiếu nại, do cha là ông Bùi Thành Q đã chết.

Ngày 12/5/1997, Ủy ban nhân dân Thành phố HCM ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai số 2335/QĐ-NC, nội dung: Giao UBND huyện TĐ xem xét buộc ông NLQ4 bồi thường giá trị tài sản và cây trồng cho gia đình ông NLQ3 khi giao phần đất này cho ông NLQ4.

Phía ông NLQ4 và phía ông NLQ3 tiếp tục khiếu nại.

Trên cơ sở Văn bản kiến nghị của Thanh tra Nhà nước số 1154/BC-TTNN ngày 02/10/1998 và Văn bản số 4455/VPCP-VII ngày 04/11/1998 của Văn phòng Chính phủ. Ngày 07/9/1999 UBND Thành phố HCM ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai số 3971/QĐ-UB-TD, nội dung: Hủy bỏ Quyết định số 5848/QĐ-UB-NC ngày 17/02/1996 của UBND Thành phố HCM do ông NLQ4 giả mạo giấy tờ, cung cấp chứng từ làm sai lệch nội dung giải quyết tranh chấp diện tích 3.000m²/5.613m² đất tranh chấp ông với phía ông NLQ3. Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất cho gia đình ông NLQ4 và gia đình ông NLQ3. Giao NLQ2 kiểm tra, xử lý việc chuyển nhượng, xây dựng trái pháp trên phần đất 5.613m² theo quy định pháp luật.

Ngày 29/01/2003, NLQ1 cấp GCNQSDĐ diện tích 2.161m² đất nông nghiệp cho ông NLQ3, ngày 10/01/2003 ông NLQ3 sang nhượng lại cho em ruột Bùi Thành L 1.040m², ngày 30/12/2004 ông L sang nhượng lại cho ông NLQ10 diện tích 210m², sang nhượng cho bà Bùi Thị Bích T diện tích 600m², sang nhượng cho bà NLQ11 diện tích 356m² các phần sang nhượng này ông L, bà T, ông NLQ10, bà NLQ11 đều được cấp GCNQSDĐ. Phần của ông

NLQ3 sử dụng 156m² đất vườn đã được cấp quyền sử dụng và 540,8m² đất chưa được cấp quyền sử dụng.

Phía ông NLQ4 vẫn tiếp tục khiếu nại đến nhiều cấp thanh tra, Chính phủ và Trung ương.

Theo Báo cáo số 1942/BC-TTCTP ngày 18/9/2007 của Thanh tra Chính phủ, Công văn số 6185/VPCP-VII ngày 29/10/2007 và Văn bản số 275/VPCP-VII ngày 14/01/2008 của Văn phòng Chính phủ, yêu cầu giải quyết dứt điểm tranh chấp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Ngày 07/7/2009 Chủ tịch UBND Thành phố HCM ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai số 3303/QĐ-UB-NC, có nội dung:

Thu hồi hủy bỏ Quyết định số 3971/QĐ-UB-TĐ ngày 07/9/1999 của Chủ tịch UBND Thành phố HCM về việc sửa đổi đối với Quyết định số 5848/QĐ-UB-NC ngày 17/02/1996 của Chủ tịch UBND Thành phố HCM

Giao NLQ2 thu hồi GCNQSDĐ số 914/QSDĐ ngày 29/11/2003 đã cấp cho ông NLQ3, GCNQSDĐ số 1018/QSDĐ ngày 10/11/2003 đã cấp cho ông L, GCNQSDĐ số 778/QSDĐ ngày 28/01/2005 đã cấp cho ông NLQ10, GCNQSDĐ số 1017/QSDĐ ngày 10/11/2003 đã cấp cho bà T, GCNQSDĐ số 3239/QSDĐ ngày 26/6/2006 đã cấp cho bà NLQ11.

Mọi tranh chấp giữa ông NLQ3 và các bên về hợp đồng sang nhượng đất (nếu có) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Công nhận cho ông NLQ3 sử dụng 600m² đất gồm: 410,7m² ông đang sử dụng trên có căn nhà số 78/2A chưa được cấp quyền sử dụng, 61,3m² đã cấp GCNQSDĐ số 914/QSDĐ ngày 29/01/2003 và 128m² đã cấp GCNQSDĐ số 3239/QSDĐ ngày 26/6/2006 cho bà NLQ11, vị trí đất theo bản đồ lập ngày 28/8/2008.

Công nhận cho ông NLQ4 sử dụng diện tích đất còn lại sau khi trừ 600m² đã công nhận cho ông NLQ3 theo bản đồ ngày 28/8/2008.

Ngày 17/01/2013, Chủ tịch UBND Thành phố HCM ban hành Quyết định số 296/QĐ-UBND có nội dung: Điều chỉnh, sửa đổi một phần Quyết định số 3303/QĐ-UB-NC của Chủ tịch UBND Thành phố HCM như sau: Giao NLQ2 thu hồi bổ sung đối với GCNQSDĐ số H00782 ngày 28/01/2005 của ông Bùi Thành L và GCNQSDĐ số H00779 ngày 28/01/2005 của bà Bùi Thị Bích T. Phần còn lại của Quyết định số 3303/QĐ-UB-NC giữ nguyên.

Việc Chủ tịch UBND Thành phố HCM ban hành Quyết định số 3303/QĐ-UB-NC và Quyết định số 296/QĐ-UBND là đúng với quy định pháp luật. Tuy kết quả giám định trên giấy chuyển nhượng quyền khai thác bất động sản ngày 12/12/1978 do ông NLQ4 cung cấp so sánh với các mẫu chữ ký của ông S trên các tài liệu khác không phải do cùng một người ký ra, nhưng có chữ ký của ông S1 là người chứng kiến, khi làm việc với Thanh tra Chính phủ

ông S1 xác định ông chứng kiến nội dung là đúng sự thật, ông H (cha ông S) có làm ủy quyền ngày 12/12/2008 cho cha con ông NLQ4 khai thác vĩnh viễn diện tích 5.000m²; ngoài ra các tài liệu liên quan đến nguồn gốc đất như Biên bản phân ranh sử dụng đất, giấy chuyển nhượng ngày 10/01/1976 giữa ông T3 chuyển nhượng cho ông S, đơn xin lập Tổ hợp trồng tía, chăn nuôi của ông S. Đối với phía ông NLQ3 không cung cấp được các tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh nguồn gốc sử dụng đất. Do đó, Chủ tịch UBND Thành phố HCM đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông L và bà T.

Theo các văn bản của phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 và NLQ2 do ông Trần Văn D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thực hiện Quyết định số 3303/QĐ-UB-NC của Chủ tịch UBND Thành phố HCM, NLQ1 đã ban hành các quyết định như sau:

Quyết định số 5887/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 về việc thu hồi hủy bỏ tính pháp lý Quyết định số 2023/QĐ-UB ngày 30/12/2004 và GCNQSDĐ số AB 755930 ngày 28/01/2005 của NLQ1 cấp cho ông Bùi Thành L.

Quyết định 5888/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 về việc thu hồi hủy bỏ tính pháp lý Quyết định số 2057/QĐ-UB ngày 30/12/2004 và GCNQSDĐ số AB 755927 ngày 28/01/2005 của NLQ1 cấp cho ông NLQ10.

Quyết định số 5889/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 về việc thu hồi hủy bỏ tính pháp lý Quyết định số 106/QĐ-UB ngày 29/01/2003 và GCNQSDĐ nông nghiệp số V 093158 ngày 29/01/2003 của NLQ1 cấp cho ông NLQ3.

Quyết định số 5890/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 về việc thu hồi hủy bỏ tính pháp lý Quyết định số 2057/QĐ-UB ngày 30/12/2004 và GCNQSDĐ số AE 766123 ngày 26/6/2006 của NLQ1 cấp cho ông NLQ11.

Quyết định số 5891/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 về việc thu hồi hủy bỏ tính pháp lý Quyết định số 1070/QĐ-UB ngày 10/11/2003 và GCNQSDĐ số V 882205 ngày 10/11/2003 của NLQ1 cấp cho bà Bùi Thị Bích T.

Quyết định số 5892/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 về việc thu hồi hủy bỏ tính pháp lý Quyết định số 1069/QĐ-UB ngày 10/11/2003 và GCNQSDĐ số V 882204 ngày 10/11/2003 của NLQ1 cấp cho ông Bùi Thành L.

Quyết định số 5887/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 về thu hồi hủy bỏ tính pháp lý Quyết định số 2057/QĐ-UB ngày 30/12/2004 và GCNQSDĐ số AB 755930 ngày 28/01/2005 của NLQ1 cấp cho ông Bùi Thành L.

Ngày 26/8/2009, NLQ1 ban hành Quyết định số 6636/QĐ-UBND điều chỉnh nội dung Điều 1 Quyết định số 5891/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 của NLQ1 và ban hành Quyết định số 6635/QĐ-UBND về việc thu hồi hủy bỏ tính pháp lý Quyết định số 2025/QĐ-UB ngày 30/12/2004 và GCNQSDĐ số AB 755929 ngày 28/01/2005 do NLQ1 cấp cho bà Bùi Thị Bích T.

Ngày 31/10/2012, NLQ1 cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 742869 cho ông NLQ4 bà Võ Thị P1, công nhận diện tích 2.052,6m² thuộc thửa 517, tờ bản đồ số 101 (tài liệu 2005) mục đích sử dụng trồng cây hàng năm khác.

Ngày 17/01/2013, Chủ tịch UBND Thành phố HCM ban hành Quyết định số 296/QĐ-UBND điều chỉnh sửa đổi 1 phần Điều 1 Quyết định số 3303/QĐ-UB NC ngày 07/7/2009 của Chủ tịch UBND Thành phố HCM liên quan việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Bảy và ông NLQ3.

Ngày 05/4/2013, NLQ1 ban hành Quyết định số 2012/QĐ-UBND về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 5887/QĐ-UB ngày 06/8/2003 của NLQ1 và Quyết định số 2013/QĐ-UBND về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 6635/QĐ-UB ngày 26/8/2009.

Cùng ngày 05/4/2013, NLQ1 ban hành Quyết định số 2014/QĐ-UBND thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 2024/QĐ-UB ngày 30/12/2004 và GCNQSDĐ số AB 755929 ngày 28/01/2005 do NLQ1 cấp cho bà Bùi Thị Bích T, Quyết định số 2015/QĐ-UBND về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 2023/QĐ-UB ngày 30/12/2004 và GCNQSDĐ số AB 755930 ngày 28/01/2005 của NLQ1 cấp lại cho ông Bùi Thành L.

Nay NLQ1 và NLQ2 thống nhất với ý kiến và yêu cầu của Chủ tịch UBND Thành phố HCM.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ4 và con là bà NLQ5 trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp trên là của gia đình ông NLQ4 chuyển nhượng hợp pháp từ ông Bùi Văn S, ông Bùi Công H và sử dụng liên tục, ổn định được công nhận quyền sử dụng đất, được giao đất và đóng thuế đầy đủ và đã được cấp GCNQSDĐ hợp pháp sau khi các quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực. Quyết định số 3303/QĐ-UBND và Quyết định số 296/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Thành phố HCM về việc giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai là rất có lý có tình, đề nghị Tòa án bác đơn kiện của ông L, bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ12 trình bày:

Ông có mua của bà NLQ5 (con ông NLQ4) diện tích đất 137m² và bà NLQ5 đã có GCNQSDĐ hợp pháp, ông có ra công chứng và hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ đang nộp ở Phòng Tài nguyên và Môi trường quận TĐ chờ cấp thì phía ông L, bà Thắng khởi kiện, nay ông NLQ12 yêu cầu Tòa án bác đơn của ông L, bà T để NLQ1 cấp GCNQSDĐ cho ông theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ13 trình bày:

Bà có mua của bà NLQ5 (con ông NLQ4) diện tích đất 90m² vì bà NLQ5 đã có GCNQSDĐ hợp pháp, bà có ra công chứng và hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ đang nộp ở Phòng Tài nguyên và Môi trường quận TĐ chờ cấp thì phía ông L, bà T khởi kiện, nay bà NLQ13 yêu cầu Tòa án bác đơn của ông L, bà T để NLQ1 cấp GCNQSDĐ cho bà theo đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ6, bà NLQ7 trình bày:

Ông bà có mua của bà NLQ5 (con ông NLQ4) diện tích đất 200m² và bà NLQ5 đã có GCNQSDĐ hợp pháp, ông bà có ra công chứng và hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ đang nộp ở Phòng Tài nguyên và Môi trường quận TĐ chờ cấp thì phía ông L, bà T khởi kiện, nay ông bà yêu cầu Tòa án bác đơn của ông L, bà T để NLQ1 cấp GCNQSDĐ cho ông bà theo đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ8, bà NLQ9 trình bày:

Ông bà có mua của bà NLQ5 (con ông NLQ4) diện tích đất 100m² vì bà NLQ5 đã có GCNQSDĐ hợp pháp, ông bà đã sinh sống ổn định tại phần đất trên, nay ông bà yêu cầu Tòa án bác đơn của ông L, bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ3, ông NLQ10, bà NLQ11 vắng mặt tại Tòa án:

Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho ông NLQ3, ông NLQ10, bà NLQ11 nhưng ông bà vẫn vắng mặt không lý do.

Tại Bản án hành chính số 1177/2016/HC-ST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

- Áp dụng Điều 3 và Điều 30 Luật tổ tụng hành chính;
- Áp dụng Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Điều 38 Luật Đất đai năm 1993.
- Áp dụng Nghị định 88/2009/NĐ-CP của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.
- Áp dụng Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án;
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thành L, bà Bùi Thị Bích T về việc đòi hủy Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 và Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch UBND Thành phố HCM.

Ngoài ra, bản án hành chính sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 07/12/2016 Ông Bùi Thành L kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 1177/2016/HC-ST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vì cho rằng tòa án áp dụng không đúng những quy định của pháp luật, cho những tình tiết khách quan của vụ án.

Ngày 01/9/2017 Ông NLQ10 kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 1177/2016/HC-ST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu xét xử phúc thẩm lại đúng quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các ông Bùi Thành L, NLQ10 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên đương sự không tự thỏa thuận được và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện lập luận rằng: giấy chuyển nhượng đất giữa ông S cho ông NLQ4 là giả mạo, nên sự có mặt của nhân chứng Đỗ Văn S1 là không có ý nghĩa. Quyết định số 3971/QĐ-UB-TD ngày 07/9/1999 của Chủ tịch UBND Thành phố HCM ban hành là đúng quy định của pháp luật, nên ông NLQ3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp. Vì vậy việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông NLQ3 với ông Bùi Thành L, bà Bùi Thị Bích T là giao dịch hợp pháp ngay tình; Cho nên việc tranh chấp đất của ông Bùi Thành L, bà Bùi Thị Bích T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 136 luật đất đai.

Quyết định số 3971/QĐ-UB-TD ngày 07/9/1999 của Chủ tịch UBND Thành phố HCM là Quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Cho nên Chủ tịch UBND Thành phố HCM tiếp tục ban hành các quyết định số 3303/QĐ-UB-NC ngày 07/7/2009 và số 296/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 để sửa đổi thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Thành L, bà Bùi Thị Bích T là không đúng thẩm quyền.

Tòa cấp sơ thẩm chưa giải quyết hết yêu cầu của ông Bùi Thành L; vì ông L cho rằng việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Luật là đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông L.

- Ông Bùi Thành L là người khởi kiện trình bày bổ sung rằng: Đến khi Nghị Định 181 mới có quy định việc đình chính hoặc thu hồi khi cấp sai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trước đó pháp luật không có quy định, nên trường hợp của ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/11/2003, không được quyền thu hồi;

Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa cấp sơ thẩm chỉ thể hiện có 8 người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan, nhưng trong bản án thì có 15 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Đồng thời những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như các ông bà NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ12, NLQ13 có bản tự khai sau khi bản án sơ thẩm ban hành là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

- Người đại diện theo ủy quyền của NLQ4 cho rằng: Để giải quyết đúng với bản chất vụ việc trước hết phải xem xét về nguồn gốc đất và ông NLQ4 là người đã thực hiện đóng thuế đất theo quy định.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ5, ông NLQ6, bà NLQ7, ông NLQ8 xác định việc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có bản tự khai sau khi bản án sơ thẩm ban hành là chuyện bình thường đây là quyền của đương sự không vi phạm tố tụng vì trước đó trong các bản lời khai các đương sự này đã có trình bày ý kiến của mình.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phân tích đánh giá chứng cứ cho rằng bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thành L, bà Bùi Thị Bích T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 và Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố HCM là có căn cứ, đề nghị giữ y bản án sơ thẩm số 1177/2016/HC-ST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Các đương sự vắng mặt đều được tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Đối với bà NLQ11 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà Nguyễn Thị Minh P là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Thành L có đơn xin hoãn phiên tòa nhưng không phải là lý do chính đáng không được chấp nhận. Hơn nữa đây là phiên tòa đã được triệu tập để xét xử đến lần thứ ba vào các ngày 26/6/2017, ngày 21/9/2017 và ngày 19/10/2017.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Ông Bùi Thành L, bà Bùi Thị Bích T khởi kiện Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 và Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố HCM. Theo quy định tại Điều 3 và khoản 1 Điều 30 của Luật tố tụng hành chính thì Quyết định số 3303/QĐ-UBND và Quyết định số 296/QĐ-UBND là đối tượng khởi kiện.

[3] Thẩm quyền giải quyết: Quyết định bị khởi kiện là quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố HCM. Theo quy định tại Điều 32 Luật tố tụng hành chính thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về trình tự, thủ tục kháng cáo: Người khởi kiện là ông Bùi Thành L kháng cáo Bản án số 1177/2016/HC-ST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân

dân Thành phố Hồ Chí Minh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính.

[5] Quá trình giải quyết: Ủy ban nhân dân huyện Thủ Đức ban hành Quyết định số 132/QĐ-UB-NN ngày 20/9/1994 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông NLQ4 với ông Bùi Thành Q là đúng thẩm quyền. Theo điểm a, khoản 2 Điều 38 Luật đất đai năm 1993 quy định: *Các tranh chấp về quyền sử dụng đất mà người sử dụng đất không có giấy chứng nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giải quyết các tranh chấp giữa cá nhân, hộ gia đình với nhau, giữa cá nhân, hộ gia đình với tổ chức, giữa tổ chức với tổ chức nếu các tổ chức đó thuộc quyền quản lý của mình.* Do tranh chấp đất đai giữa ông NLQ4 với ông Q tại thời điểm năm 1994 đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên NLQ1 ban hành Quyết định số 132/QĐ-UB-NN là đúng quy định.

[6] Do không đồng ý với Quyết định số 132/QĐ-UB-NN nên ông NLQ4 khiếu nại thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố HCM ban hành Quyết định số 5848/QĐ-UB-NC ngày 17/12/1996 và Quyết định số 3971/QĐ-UB-TD ngày 07/9/1999 là đúng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 38 của Luật đất đai năm 1993.

[7] Theo quy định tại Điều 3 của Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 và khoản 3 Điều 5 Luật khiếu nại năm 2011: *Cơ quan, tổ chức cá nhân có trách nhiệm kiểm tra, xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật của mình; nếu trái pháp luật phải kịp thời sửa chữa, khắc phục, tránh phát sinh khiếu nại.* Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố HCM đã ban hành Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 và Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 là đúng quy định. Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố HCM giao cho NLQ2 thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông NLQ3, ông Bùi Thành L, bà Bùi Thị Bích T, ông NLQ10, bà NLQ11 là đúng theo quy định tại Điều 25 của Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003.

[8] Người khởi kiện cho rằng: *Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật, nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật* theo quy định tại Điều 87 của Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tuy nhiên, Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 và Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 được ban hành tại thời điểm Luật đất đai năm 2003 đang có hiệu lực pháp luật nên không áp dụng Luật đất đai năm 2013 và Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ

[9] Về nội dung: Phần đất tranh chấp có diện tích 5.613m² thuộc thửa số 159,160 tờ số 4 xã HB nay là phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn của ông Đoàn Hữu T3 và bà Đoàn Thị M đứng bộ trước ngày 20/4/1975. Ngày 10/01/1976, ông T3, bà M lập biên nhận nhường quyền khai

thác vĩnh viễn bất động sản trên cho ông Bùi Văn S và đến ngày 12/12/1978, ông S chuyển nhượng lại cho ông NLQ4 có ông Đỗ Văn S1 là người làm chứng; đồng thời cùng ngày ông H (*cha ông S và là bác ruột ông NLQ4*) viết giấy ủy quyền khai thác sử dụng vĩnh viễn đất trên cho ông NLQ4 và ông Bùi K (cha ông NLQ4). Từ những tài liệu chứng cứ trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố HCM ban hành hành Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 và Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm các ông Bùi Thành L, NLQ10 không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới, nên hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 1177/2016/HC-ST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo như quan điểm đề nghị của kiểm sát viên ở tại phiên tòa là phù hợp.

[11] Đối với ông L, bà T, ông NLQ10, bà NLQ11 là những người chuyển nhượng quyền sử dụng đất có liên quan từ ông NLQ3. Nếu các bên có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng thì được quyền khởi kiện tại Tòa án theo như Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố HCM ban hành là phù hợp;

[12] Các ông Bùi Thành L, NLQ10 do kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính:

không chấp nhận kháng cáo của các ông Bùi Thành L, NLQ10. Giữ nguyên bản án Hành chính sơ thẩm số 1177/2016/HC-ST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2003; Luật Đất đai năm 1993; Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thành L, bà Bùi Thị Bích T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 và Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố HCM. Giữ nguyên bản án Hành chính sơ thẩm số 1177/2016/HC-ST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về án phí:

+ Hành chính sơ thẩm: Ông Bùi Thành L và bà Bùi Thị Bích T mỗi người phải nộp 200.000 đồng. Ông L đã nộp 200.000 đồng vào ngày 20 tháng 10 năm 2011 tại biên lai thu số AE/2010/10000; bà T đã nộp 200.000 đồng vào ngày 15 tháng 11 năm 2011 tại biên lai thu số AG/2010/00216 tại Cục Thi

hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được chuyển thu án phí hành chính sơ thẩm.

+ Hành chính phúc thẩm: Các ông Bùi Thành L, NLQ10 mỗi người phải chịu 300.000đ. Các ông Bùi Thành L, NLQ10 mỗi người đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng được thể hiện tại các biên lai thu số 0033952 ngày 03 tháng 4 năm 2017 và số 0047578 ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, sẽ được chuyển thu án phí Hành chính phúc thẩm;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự (9);
- Lưu VP (3) HS (2) 18B (Án 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Quốc Khởi